

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 15.4.2022
V/v "Tranh chấp về việc
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15.4.2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-DS ngày 15.11.2021 về "Tranh chấp về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 03 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 56/16 đường D, phường P, quận C1, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

***Bị đơn:** Bà Trương Thị H, sinh năm: 1973; (Vắng mặt).

Ông Lê Như T, sinh năm: 1970; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 331/5 đường V, phường V1, quận K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, các văn bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C trình bày:** Vợ chồng ông Lê Như T và bà Trương Thị H có vay của bà nhiều lần với tổng số tiền 20.650.000.000đồng, lần lượt như sau: ngày 15.8.2019 vay số tiền 3.000.000.000đồng; ngày 23.9.2020 vay số tiền 14.650.000.000đồng; ngày 24.9.2020 vay số tiền 3.000.000.000đồng. Lãi suất

do hai bên thoả thuận là 0,6%/ngày. Trong quá trình vay, vợ chồng ông T bà H đã trả cho bà số tiền là 8.800.000.000đồng. Từ tháng 03.2021 đến nay, mặc dù bà C đã nhiều lần yêu cầu ông T bà H không trả lại số tiền nợ gốc và nợ lãi như thoả thuận nhưng vợ chồng ông T và bà H cố tình lẩn tránh, xin gia hạn lần này đến lần khác.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trương Thị H và ông Lê Như T phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ gốc là 11.850.000.000đồng và tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 01.03.2021 đến ngày xét xử hôm nay 15.4.2022, theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng quy định 20%/năm.

**Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29.11.2021, 10.3.2022 bị đơn bà Trương Thị H và ông Lê Như T trình bày:* Ông bà đã nhận được thông báo thụ lý số 149/2021/TLST về việc tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Toà án nhân dân quận Thanh Khê. Nhưng hiện tại ông bà đang theo công việc tại Sài Gòn, chưa về được và đồng thời những khoản nợ mà các cá nhân và Công ty nợ ông bà chưa trả. Do tình hình dịch bệnh nên kéo theo tài chính bị trễ, Hiện tại ông bà đang rất bế tắc tài chính nên chưa thực hiện được việc thanh toán cho bà C nên ông bà xin Tòa án gia hạn thời gian để thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C buộc bà Trương Thị H, ông Lê Như T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích C số tiền nợ gốc 11.850.000.000đồng và nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Thị H và ông Lê Như T phải phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích C có đơn khởi kiện về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bà Trương Thị H và ông Lê Như T, có địa chỉ tại Số 331/5 đường V, phường V1, quận K, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án

tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – bà Trương Thị H và ông Lê Như T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trương Thị H, ông Lê Như T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 01.3.2021 đến ngày 15.4.2022 là: 14.516.500.000đ (Mười bốn tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng)

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Bích C có cho vợ chồng bà Trương Thị H và ông Lê Như T vay nhiều lần với tổng số tiền 20.650.000.000đồng thể hiện tại các giấy vay, mượn tiền do chính bà Trương Thị H viết và ký nhận, cụ thể:

Ngày 15.8.2019 bà Trương Thị H vay số tiền 3.000.000.000đồng; mục đích để đáo hạn tại Ngân hàng MB, hạn 10 ngày giải ngân trả.

Ngày 23.9.2020 bà Trương Thị H vay số tiền 14.650.000.000đồng;

Ngày 24.9.2020 bà Trương Thị H vay số tiền 3.000.000.000đồng; mục đích vay là đáo hạn.

Quá trình vay, bà Trương Thị H, ông Lê Như T đã trả được cho bà C tổng số tiền là 8.800.000.000đồng. Số tiền 11.850.000.000đồng còn lại, mặc dù bà Nguyễn Thị Bích C đã rất nhiều lần liên lạc, đôn thúc việc trả nợ nhưng bà Trương Thị H, ông Lê Như T vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù vợ chồng bà Trương Thị H và ông Lê Như T vắng mặt, nhưng ông bà liên tục có đơn xin gia hạn ghi ngày ngày 29.11.2021; 10.3.2022 gửi Tòa án thể hiện ông bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đồng thời xin Tòa án gia hạn thêm thời gian trả nợ cho bà C. Mặc dù tại các giấy vay mượn tiền chỉ thể hiện một mình bà Trương Thị H ký. Nhưng qua các đơn xin gia hạn nói trên có căn cứ để xác định việc vay mượn giữa bà C và bà H thì ông Lê Như T biết và cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thay đổi tư cách người tham gia tố tụng của ông Lê Như T là bị đơn là có căn cứ, phù hợp với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C. Do vợ chồng Trương Thị H và ông Lê Như T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc vợ chồng Trương Thị

H và ông Lê Như T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích C số tiền nợ gốc 11.850.000.000đồng.

[5] Xét yêu cầu tính lãi vay từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/4/2022 với mức lãi 20%/ năm của bà Nguyễn Thị Bích C thì thấy: mặc dù, tại các giấy vay mượn tiền không thể hiện việc các bên thoả thuận về lãi suất. Tuy nhiên theo các tin nhắn mà bà Nguyễn Thị Bích C cung cấp việc vay mượn giữa bà Nguyễn Thị Bích C và vợ chồng bà Trương Thị H và ông Lê Như T nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng nên thời gian vay ngắn, các khoản vay gối đầu, mức lãi suất của hai bên thoả thuận là 0,6%/ ngày. Điều này, chứng minh việc cho vay nói trên giữa các bên là có lãi suất. Theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì mức lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, trừ trường hợp luật khác liên quan quy định khác...” Như vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về khoản nợ lãi, cụ thể như sau:

Từ ngày 01.3.2021 đến ngày 28.02.2022: $11.850.000.000\text{đồng} \times 20\%/\text{năm} = 2.370.000.000\text{đồng}$.

Từ ngày 1.3.2022 đến ngày xét xử 15.4.2022: $11.850.000.000\text{đồng} \times (20\%/\text{năm} \times 1,5\text{ tháng}) = 296.500.000\text{đồng}$.

Từ những phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C. Buộc bà Trương Thị H và ông Lê Như T phải có nghĩa vụ trả cho bà C tổng số tiền nợ gốc và lãi: 14.516.500.000đ (Mười bốn tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng)

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Trương Thị H, ông Lê Như T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 122.516.500đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 220; 266; 271; 273; 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Bích C đối với bị đơn – bà Trương Thị H và ông Lê Như T về việc “Tranh chấp về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trương Thị H và ông Lê Như T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích C tổng số tiền nợ là: 14.516.500.000đ (Mười bốn tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 11.850.000.000đồng

Nợ lãi: 2.666.500.000đồng (tính đến ngày 15/4/2022)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị H và ông Lê Như T phải chịu: 122.516.500đ (Một trăm hai mươi hai triệu, năm trăm mười sáu nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích C tiền tạm ứng án phí là 30.769.750đ (Ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002360 ngày 15.11.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Kể từ ngày 16.4.2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh